

Phát triển doanh nghiệp theo ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh nhìn từ số liệu thống kê

Ths. Vũ Ngọc Khuê, Ths. Thanh Kim Huệ

Học viện Ngân hàng, Phân viện tỉnh Bắc Ninh

Email: thanhkimhuevn@yahoo.com

Bài viết sử dụng tài liệu thống kê để phân tích thực trạng phát triển doanh nghiệp theo ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2007-2011, chỉ ra những thành tựu và hạn chế về quy mô, cơ cấu và tốc độ phát triển. Trên cơ sở đó khuyến nghị một số vấn đề tiếp tục phát triển doanh nghiệp theo ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh những năm tới

Từ khóa: doanh nghiệp theo ngành kinh tế; tốc độ phát triển doanh nghiệp, cơ cấu doanh nghiệp, quy mô doanh nghiệp.

1. Đặt vấn đề

Bắc Ninh là một tỉnh thuộc đồng bằng Sông Hồng, năm 2011 có diện tích đất tự nhiên là 82.271,1 ha với dân số là 1.060.328 người và 603.806 lao động. Trong những năm vừa qua kinh tế- xã hội tỉnh Bắc Ninh ngày càng phát triển. Năm 2001 tổng sản phẩm trong tỉnh là 51.533,9 tỷ đồng, bình quân đầu người là 48.602 ngàn đồng, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 7.161,8 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá thực tế là 2.109,4 ngàn đồng; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống năm 2011 còn 5,8%. Một trong những thành công trong phát triển kinh tế của tỉnh là khu vực doanh nghiệp phát triển khá nhanh. Trong giai đoạn 2007-2011 số doanh nghiệp bình quân mỗi năm tăng 14,97%. (Cục Thống kê Bắc Ninh, 2011) Tuy nhiên, sự phát triển của doanh nghiệp trên địa bàn cũng còn nhiều vấn đề. Bài viết này sẽ đề cập đến thực trạng phát triển của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo ngành kinh tế, chỉ ra những mặt được cũng như những hạn chế để từ đó có khuyến nghị phát triển doanh nghiệp những năm tới nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

2. Thực trạng phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

2.1. Tốc độ phát triển và cơ cấu doanh nghiệp theo ngành kinh tế trên địa bàn.

Trong giai đoạn 2007 đến 2011 tốc độ phát triển doanh nghiệp theo ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh khá cao. Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong các ngành kinh tế tại tỉnh Bắc Ninh giai đoạn này đã tăng từ 2018 năm 2007 doanh nghiệp lên 3227 doanh nghiệp năm 2011, tức tăng thêm 1209 doanh

niệp, hay tăng 59,91%, bình quân hàng năm tăng 14,97%.

Tuy nhiên trong từng ngành thì có sự thay đổi khác nhau. Trong ngành nông lâm nghiệp và thủy sản số doanh nghiệp giảm 12 doanh nghiệp, từ 500 năm 2007 xuống 488 năm 2011, hay giảm 2,4%. Ngành công nghiệp và xây dựng tăng thêm là 535 doanh nghiệp, từ 917 năm 2007 lên 1452 năm 2011 hay tăng 58,34%. Ngành dịch vụ, số doanh nghiệp tăng thêm 686 doanh nghiệp, từ 601 năm 2007 lên 1287 năm 2011 hay tăng 114,14%.

Do sự gia tăng khác nhau, nên cơ cấu doanh nghiệp theo ngành cũng có sự thay đổi. Tỷ trọng doanh nghiệp ngành nông lâm nghiệp thủy sản giảm mạnh nhất, từ 24,77% năm 2007 xuống 15,12% năm 2011. Tỷ trọng doanh nghiệp trong ngành công nghiệp xây dựng giảm nhẹ từ 45,44% năm 2007 xuống 44,99% năm 2011. Trong khi đó tỷ trọng số doanh nghiệp ngành dịch vụ tăng mạnh từ 29,79% năm 2007 lên 39,89% năm 2011 (Xem bảng 1).

2.2. Về quy mô doanh nghiệp

2.2.1. Về quy mô doanh nghiệp theo lao động

Thứ nhất, tình hình lao động làm việc trong các doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2007-2011 số lượng lao động làm việc trong các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh tăng lên từ 76.404 lao động lên 149.600 lao động, tức tăng thêm 73.196 lao động hay tăng 95,8%. Bình quân mỗi năm tăng thêm 18.299 lao động hay tăng thêm 23,95%. Trong giai đoạn này, lao động ở tất cả các ngành đều tăng, tuy nhiên với tốc độ khác nhau. Số lao động làm việc trong các doanh nghiệp nông lâm ngư nghiệp tăng thấp nhất là 149 người hay tăng 2,28%; lao động làm việc

Bảng 1: Về tốc độ phát triển và cơ cấu doanh nghiệp theo ngành kinh tế

	2007	2011	Thay đổi tăng, giảm		
			Số Doanh nghiệp	Tỷ lệ %	
				2007-2011	Bình quân năm
Tổng số doanh nghiệp DN	2018	3227	1209	59,91	14,97
Tr.đó nông nghiệp	500	488	-12	- 0,24	- 0,6
Công nghiệp và xây dựng	917	1452	535	58,34	14,58
Dịch vụ	601	1287	686	114,14	28,53
Cơ cấu %	100,00	100,00		%	
Tr.đó nông nghiệp	24,77	15,12		- 9,6	
Công nghiệp và xây dựng	45,44	44,99		- 0,45	
Dịch vụ	29,79	39,89		10,10	

Nguồn: Niên giám thống kê Bắc Ninh 2011; Ghi chú: - là giảm,

trong ngành công nghiệp tăng mạnh nhất là 64.657 người, hay 107,2%, bình quân mỗi năm thu hút thêm 26,8%. Các ngành dịch vụ tăng thêm 8390 lao động, hay tăng 87,75%; bình quân mỗi năm tăng 21,93%.

Việc tăng lao động trong các ngành cũng dẫn đến sự thay đổi cơ cấu lao động doanh nghiệp theo ngành. Nếu năm 2007 tỷ trọng lao động trong ba ngành Nông, lâm ngư nghiệp- công nghiệp xây dựng- dịch vụ lần lượt là 8,55% - 78,93%-12,52%, thì đến năm 2011, tỷ trọng ba ngành này lần lượt là 4,47%-83,53% - 12,00% (Xem bảng 2).

Thứ hai, về biến đổi quy mô lao động bình quân của doanh nghiệp. Số lao động bình quân cho một doanh nghiệp theo ngành kinh tế ở Bắc Ninh giai đoạn 2007-2011 cũng gia tăng. Nếu năm 2007 bình quân lao động của một doanh nghiệp từ 37,86 lao động /1 doanh nghiệp thì năm 2011 con số này tăng lên là 46,35 lao động/1 doanh nghiệp. Trong đó ngành công nghiệp và xây dựng có quy mô khá nhất là 65,76 lao động/1 doanh nghiệp năm 2007 và 86,06 lao động/doanh nghiệp năm 2011, Hai ngành nông nghiệp và dịch vụ có quy mô lao động bình quân /1 doanh nghiệp nhỏ và xấp xỉ nhau (Xem bảng 3).

Thứ nhất, về tình hình giá trị tài sản cố định và đầu tư dài hạn của các doanh nghiệp. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn có vai trò quan trọng cho sự phát triển doanh nghiệp trong dài hạn. Nhận thức được điều đó, trong giai đoạn 2007-2011 các doanh nghiệp đã chú ý gia tăng về quy mô giá trị tài sản cố định và đầu tư dài hạn. Từ năm 2007 đến năm 2011 tổng số giá trị tài sản cố định và đầu tư dài hạn của các doanh nghiệp tăng thêm 43.560,9 tỷ đồng, hay tăng 216,21%; bình quân mỗi năm tăng 54,05%. Tốc độ tăng cao nhất là ngành dịch vụ, bình quân mỗi năm tăng 87,74%, tiếp đến là công nghiệp và xây dựng, bình quân mỗi năm tăng 77,85%. Ngành nông nghiệp cũng tăng khá bình quân mỗi năm tăng 42,55% (Xem bảng 4).

Thứ hai, về quy mô giá trị tài sản cố định và đầu tư dài hạn bình quân của doanh nghiệp. Nhờ chú ý đầu tư cho tài sản cố định và đầu tư dài hạn, trong những năm 2007-2011 giá trị tài sản cố định và đầu tư dài hạn bình quân của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 hàng năm phân theo ngành kinh tế cũng tăng lên. Năm 2007 bình quân cho 1 doanh nghiệp là 6,82 tỷ, năm 2011 bình quân cho 1 doanh nghiệp là 17,76 tỷ. Các doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp có giá trị tài sản cố định và đầu tư dài hạn lớn nhất là 10,51 tỷ VNĐ/ 1doanh nghiệp năm 2007

Bảng 2. Số lao động làm việc trong khu vực doanh nghiệp theo ngành kinh tế

	2007	2011	Thay đổi (tăng, giảm)		
			Số lao động	Tỷ lệ %	
				2007-2011	Bình quân năm
Tổng số lao động (người)	76.404	149.600	73.196	95,80	23,95
Tr.đó nông nghiệp	6534	6683	149	2,28	0,57
Công nghiệp và xây dựng	60.309	124966	64657	107,2	26,80
Dịch vụ	9561	17951	8390	87,75	21,93
Cơ cấu (%)	100,00	100,00			
Tr.đó nông nghiệp	8,55	4,47		-4,08	
Công nghiệp và xây dựng	78,93	83,53		4,60	
Dịch vụ	12,52	12,00		-0,02	

Nguồn: Niên giám thống kê Bắc Ninh 2011; Ghi chú: - là giảm,

Bảng 3. Về quy mô lao động bình quân của doanh nghiệp

	2007	2011	Mức độ tăng bình quân của 1 doanh nghiệp	
			Số lượng	%
	1	2	3=2-1	4=2/1
Số lao động bình quân 1 DN (người/DN)	37,86	46,35	8,49	22,42
Tr.đó nông nghiệp	13,07	17,70	4,63	35,54
Công nghiệp và xây dựng	65,76	86,06	20,30	30,86
Dịch vụ	15,9	13,9	-2,0	-12,58

Nguồn: Tính toán từ số liệu bảng 1 và bảng 2

Bảng 4. Giá trị tài sản cố định và đầu tư dài hạn của các doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 hàng năm phân theo ngành kinh tế

	2007	2011	Thay đổi (tăng, giảm)		
			Số tăng	Tỷ lệ %	
				2007-2011	Bình quân năm
Tổng số (Tỷ đồng)	13775,7	57336,6	43560,9	216,21	54,05
Tr.đó nông nghiệp	539,4	1457,5	918,1	170,20	42,55
Công nghiệp và xây dựng	9641,1	39664,9	30023,8	311,41	77,85
Dịch vụ	3595,2	16214,2	12619	350,99	87,74
Cơ cấu (%)	100,00	100,00			
Tr.đó nông nghiệp	3,91	2,54		-1,37	
Công nghiệp và xây dựng	69,98	69,18		-0,8	
Dịch vụ	26,11	28,28		2,17	

Nguồn: Niên giám thống kê Bắc Ninh 2011; Ghi chú: - là giảm,

và 27,31 tỷ VNĐ năm 2011; tiếp đó đến các doanh nghiệp ngành dịch vụ là 5,98 tỷ/1 doanh nghiệp năm 2007 và 12,59 tỷ năm 2011. Thấp nhất là các doanh nghiệp trong ngành nông lâm ngư nghiệp, tương ứng là 1,07 tỷ năm 2007 và 2,97 tỷ năm 2011 (Xem bảng 5).

2.2.3. Quy mô doanh nghiệp theo vốn sản xuất kinh doanh

Thứ nhất, về tình hình vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2007-2011, vốn sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 hàng năm phân theo ngành kinh tế tăng lên 95741,3 tỷ đồng, hay tăng 332,77%, bình quân mỗi năm tăng 83,19%. Trong đó, vốn sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành nông lâm ngư nghiệp tăng 1281,7 tỷ đồng, hay tăng 200%, bình quân mỗi năm tăng 50,19%; của ngành công

nh nghiệp tăng 65507,4 tỷ đồng, hay tăng 335,3% bình quân mỗi năm tăng 83,82%; của ngành dịch vụ tăng 28952,2 tỷ đồng hay tăng 336,82%, bình quân mỗi năm tăng 84,2%.

Nhìn chung, cơ cấu vốn sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 hàng năm phân theo ngành kinh tế biến đổi không nhiều. Do tỷ trọng vốn của ngành công nghiệp xây dựng tăng 0,40% và ngành dịch vụ tăng 0,28% nên tỷ trọng vốn sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nông lâm ngư nghiệp giảm 0,68% (Xem bảng 6).

Thứ hai, về quy mô doanh nghiệp theo vốn sản xuất kinh doanh. Do tốc độ tăng vốn sản xuất kinh doanh như trên nên quy mô vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng tăng lên trong những năm 2007- 2011. Năm 2007 vốn sản xuất kinh doanh bình quân của 1 doanh nghiệp là 14,25 tỷ VNĐ thì

Bảng 5. Về quy mô giá trị tài sản cố định và đầu tư dài hạn bình quân của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 hàng năm phân theo ngành kinh tế

	2007	2011	Mức độ tăng bình quân của 1 doanh nghiệp	
			Số lượng	%
	1	2	3=2-1	4=2/1
Bình quân cho 1 DN (Tỷ đồng/DN)	6,82	17,76	10,94	160,41
Tr.đó nông nghiệp	1,07	2,97	1,90	177,50
Công nghiệp và xây dựng	10,51	27,31	16,80	159,84
Dịch vụ	5,98	12,59	6,61	110,53

Nguồn: Tính toán từ số liệu bảng 1 và bảng 4

Bảng 6. Vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 hàng năm phân theo ngành kinh tế

	2007	2011	Thay đổi (tăng, giảm)		
			Số tăng	Tỷ lệ %	
				2007-2011	Bình quân năm
Tổng số (Tỷ đồng)	28770,5	124511,8	95741,3	332,77	83,19
Tr.đó nông nghiệp	638,3	1920,0	1281,7	200,79	50,19
Công nghiệp và xây dựng	19536,5	85043,9	65507,4	335,30	83,82
Dịch vụ	8595,7	37547,9	28952,2	336,82	84,20
Cơ cấu (%)	100,00	100,00			
Tr.đó nông nghiệp	2,22	1,54		-0,68	
Công nghiệp và xây dựng	67,90	68,30		0,40	
Dịch vụ	29,88	30,16		0,28	

Nguồn: Niên giám thống kê Bắc Ninh 2011; Ghi chú: - là giảm

đến năm 2011 con số này là 38,58 tỷ VNĐ; Trong đó, các doanh nghiệp công nghiệp xây dựng có quy mô vốn bình quân lớn nhất cũng chỉ là 21,30 tỷ VNĐ năm 2007 và 58,57 tỷ VNĐ năm 2011; tiếp đến là các doanh nghiệp ngành dịch vụ lần lượt là 14,30 tỷ VNĐ năm 2007 và 29,17 tỷ VNĐ năm 2011 (Xem bảng 7).

lượng doanh nghiệp đều tăng lên trong giai đoạn này. Tuy nhiên do tốc độ tăng của doanh nghiệp công nghiệp cao hơn, làm cho cơ cấu doanh nghiệp có sự thay đổi theo hướng tỷ trọng doanh nghiệp công nghiệp tăng, còn tỷ trọng doanh nghiệp nông nghiệp giảm mạnh và tỷ trọng doanh nghiệp dịch vụ giảm nhưng không đáng kể (xem bảng 1). Trong

Bảng 7. Về quy mô vốn sản xuất kinh doanh bình quân của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 hàng năm phân theo ngành kinh tế

	2007	2011	Mức độ tăng bình quân của 1 doanh nghiệp	
			Số lượng	%
			1	2
Bình quân cho 1 DN (Tỷ đồng/DN)	14,25	38,58	24,33	170,73
Tr.đó nông nghiệp	1,27	3,93	2,66	209,44
Công nghiệp và xây dựng	21,30	58,57	37,27	174,97
Dịch vụ	14,30	29,17	14,87	103,98

Nguồn: Tính toán từ số liệu bảng 1 và bảng 6

3. Một số khuyến nghị về phát triển doanh nghiệp ở Bắc Ninh

Thứ nhất, trong giai đoạn 2007-2011, tốc độ phát triển doanh nghiệp khá cao, bình quân mỗi năm tăng thêm 302 doanh nghiệp hay tăng 14,7% (Xem bảng 1). Điều này góp phần tích cực vào việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân trên địa bàn. Đây là xu hướng tốt, trong những năm tới cần tiếp tục khuyến khích phát triển.

Thứ hai, về cơ cấu doanh nghiệp. Ngoại trừ doanh nghiệp trong ngành nông lâm ngư nghiệp giảm xuống từ 500 doanh nghiệp năm 2007 xuống 488 doanh nghiệp năm 2011, còn lại ngành công nghiệp và xây dựng cũng như ngành dịch vụ số

những năm tới cần chú ý hơn để tăng tỷ trọng doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ.

Thứ ba, quy mô doanh nghiệp theo lao động, theo vốn đều tăng lên trong những năm 2007-2011, tuy nhiên quy mô doanh nghiệp trên địa bàn vẫn chủ yếu là quy mô nhỏ. Trong những năm tới, chính quyền địa phương cần có chính sách cần khuyến khích tăng quy mô lao động và quy mô vốn cho doanh nghiệp. Điều này là hoàn toàn có thể thực hiện được, bởi lẽ Bắc Ninh còn tiềm năng. Chẳng hạn năm 2011 số lao động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh là 603.806 người, trong khi đó doanh nghiệp mới thu hút được 149.600 lao động, hay bằng 24,77% lao động của toàn tỉnh. Vì thế việc tăng số lượng và tăng quy mô doanh nghiệp là hoàn toàn có khả năng thực hiện được. □

Tài liệu tham khảo:

1. Cục Thống kê Bắc Ninh (2011) *Niên giám thống kê Bắc Ninh*, NXB Thống kê, năm 2011.